

Số: 54/2024/QĐST-LĐ

Tân Uyên, ngày 28 tháng 11 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

**V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Võ Thành Hiệp.*

*Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thư ký Tòa án.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.*

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân thành phố T mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 60/2024/TLST-VLĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 60/2024/QĐST-LĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1987; thường trú: Tổ G, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh An Giang; địa chỉ tạm trú: Nhà T, tổ B, ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH P: địa chỉ: Lô K đường D, khu công nghiệp N, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ A, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Theo giấy ủy quyền ngày 23/10/2024); có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bà Phan Thị Tuyết D, sinh năm 1994; thường trú: Tổ C, khu phố B, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Khu phố B, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Thanh N, chức vụ: Giám đốc; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.*

**NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:**

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Nguyễn Thị L trình bày: Từ tháng 12/2008, bà Nguyễn Thị L bắt đầu làm việc tại Công ty TNHH W, địa chỉ tại phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Trong thời gian làm việc tại Công ty TNHH W, bà Nguyễn Thị L có tham gia BHXH theo số số 7408338321 do Bảo hiểm xã hội thành phố T cấp. Trong suốt thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 03/2023, bà L chỉ làm việc duy nhất tại Công ty TNHH W.

Sau khi nghỉ việc tại Công ty TNHH W, bà L đã liên hệ đến Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An thực hiện các thủ tục liên quan đến rút bảo hiểm một lần. Theo đó, bà L biết được số bảo hiểm xã hội của bà L hiện bị trùng quá trình tham gia bảo hiểm. Cụ thể, số sổ BHXH 7408338321 bà L có thời gian là tháng 04/2010 đến tháng 06/2010 bị trùng giữa Công ty TNHH W với Công ty TNHH P. Lý do có sự trùng thời gian tham gia bảo hiểm như nêu trên là do bà L cho bà Phan Thị Tuyết D, sinh năm 1994 mượn chứng minh nhân dân để xin vào làm việc và đã ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P.

Vì vậy, bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị L (do bà Phan Thị Tuyết D ký kết) với Công ty TNHH P (Thời gian làm việc từ tháng 04/2010 đến tháng 6/2010) bị vô hiệu. Ngày 04/11/2024, bà Nguyễn Thị L xác định lại yêu cầu là yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị L (do bà Phan Thị Tuyết D ký kết) với Công ty TNHH P (Thời gian làm việc từ tháng 4/2010 đến tháng 06/2010) bị vô hiệu và không yêu cầu xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Tuyết D trình bày: Năm 2010, bà D chưa đủ tuổi để ký kết hợp đồng lao động nên đã lấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị L để xin vào làm việc tại Công ty TNHH P và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 04/2010 đến tháng 06/2010 thì nghỉ việc. Nay, bà Phan Thị Tuyết D thống nhất toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị L và đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị L với Công ty TNHH P (Thời gian làm việc từ tháng 04/2010 đến tháng 6/2010) bị vô hiệu. Bà Phan Thị Tuyết D không yêu cầu Tòa án giải quyết bất kỳ quyền lợi nghĩa vụ gì liên quan đến bà trong việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương trình bày: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu của bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1987, số chứng minh nhân dân 352130080, số căn cước công dân 901187016856 được Công ty TNHH P tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN) với mã số BHXH 7410105684 từ tháng 4/2010 đến tháng 6/2010. Đã xác nhận quá trình đóng BHXH, BHTN, BHTNLD-BNN. Tra cứu thông tin giải quyết hưởng các chế độ BHXH, bảo hiểm thất nghiệp: Mã số 7410105684, tên Nguyễn Thị L chưa hưởng BHXH 1 lần, chưa hưởng trợ cấp BHTN, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc lao động Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động, đã được xem xét tại phiên họp, nhận thấy yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị L và Công ty TNHH P (Thời gian làm việc từ tháng 4/2010 đến tháng 6/2010) bị vô hiệu là có căn cứ nên đề nghị Tòa án chấp nhận.

Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự nói trên theo khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình tố tụng các đương sự khai thống nhất: Trong thời gian từ tháng 04/2010 đến tháng 6/2010, người lao động tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1987, số CMND 352130080 được Công ty TNHH P tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN), với mã số BHXH 7410105684. Quan hệ lao động giữa Công ty TNHH P và bà Nguyễn Thị L phát sinh từ hợp đồng lao động vào ngày 01/3/2010. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị L và bà Phan Thị Tuyết D thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH P và thực tế làm việc tại công ty là bà Phan Thị Tuyết D chứ không phải bà Nguyễn Thị L. Do bà Phan Thị Tuyết D chưa đủ tuổi làm chứng minh nhân dân và ký hợp đồng lao động nên bà Nguyễn Thị L đã cho bà Phan Thị Tuyết D mượn chứng minh nhân dân để đi làm việc. Trình bày của bà Nguyễn Thị L và bà Phan Thị Tuyết D phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội, cụ thể trong thời gian từ tháng 4/2010 đến tháng 6/2010 bà Nguyễn Thị L có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH P và Công ty TNHH W.

[2.2] Xét thấy, việc bà Phan Thị Tuyết D sử dụng chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị L để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[2.3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố T đã cung cấp thông

tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị L bị trùng từ tháng 4/2010 đến tháng 06/2010. Do đó, bà Nguyễn Thị L yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH P với bà Nguyễn Thị L từ tháng 4/2010 đến tháng 06/2010 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;  
- Căn cứ các Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;  
- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị L.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1987; thường trú: Tổ G, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh An Giang với Công ty TNHH P, thời gian làm việc từ tháng 04/2010 đến tháng 06/2010 bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0004477 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi*

*hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Võ Thành Hiệp**